

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2022/HS-PT

Ngày: 04-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/8/2022, ngày 04/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 169/2022/TLPT-HS ngày 13 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Trần Minh C, bị cáo Trác Ngọc M. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2022/HS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Minh C** (Tên thường gọi: CT), sinh năm: 1995 tại Đồng Tháp; Đăng ký HKTT: Khóm 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Cha tên: Trần Thiện N, sinh năm 1968; Mẹ tên: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1969; Vợ và con: Không; Tiền sự và tiền án: Không; Tạm giữ ngày: 31/3/2021; Tạm giam ngày: 09/4/2021; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. **Trác Ngọc M** (Tên thường gọi: MQ), sinh năm: 1993 tại T; Đăng ký HKTT: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh T; Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Cha tên: Trác Ngọc Q, sinh năm 1962; Mẹ tên: Lê Thị Diệu H, sinh năm: 1973; Vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1999; Con: Bị cáo có 01 người con sinh năm 2018; Tiền sự và tiền án: Không; Về nhân thân: Tại bản án số 69/2011/HSST ngày 29/7/2011 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án này ngày 29/4/2012; Tại bản án số 41/2013/HSST ngày 25/4/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án này ngày 16/4/2014; Tạm giữ ngày: 31/3/2021; Tạm giam ngày: 09/4/2021; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại

trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 31/3/2021, bị cáo C đi dự tiệc cưới tại nhà ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1975, ngụ ở khóm 2, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đến khoảng 11 giờ 30 phút, khách đến dự tiệc cưới đã về gần hết, chỉ còn lại 02 bàn tiệc. Lúc này, bị hại anh L là người đến dự tiệc cưới cầm ly bia qua bàn của bị cáo C mời uống giao lưu. C hỏi “Anh có phải là H hay không?”, cho rằng C còn nhỏ tuổi mà dám kêu tên cha mình, anh L dùng tay đánh trúng mặt C thì được mọi người can ngăn. Anh L quay về bàn mình ngồi còn bị cáo C một mình điều khiển xe về nhà ở khóm 4, thị trấn M. Khi về nhà, C nảy sinh ý định tìm anh L đánh trả thù. C đi vào phòng ngủ của mình lấy một cây kiếm bằng kim loại dài 83cm. Sau đó C đi qua nhà chị Trần Thị Đ ở đối diện, là chị ruột của C, lấy con dao loại dao Thái Lan dài 21cm, cán dao màu vàng có chữ Kiwi bỏ vào túi quần bên phải. Sau đó, C đi ra phía trước nhà gọi điện thoại cho bị cáo M. C nói mình đi dự đám cưới nhà ông K thì bị một thanh niên đánh, kêu M điều khiển xe chở C đi đánh trả thù. Khi nghe C nói vậy, M lúc này đang ở nhà, lấy xe mô tô biển số 66M1-518.72 của vợ là chị Nguyễn Thị B chạy đến nhà C. Cha, mẹ của C là ông N và bà L thấy C cầm kiếm đứng trước cửa nên can ngăn nhưng C không nghe. Khoảng 10 phút sau, M điều khiển xe đến thấy C đang đứng trước cửa nhà, trên tay có cầm kiếm. M dừng xe để C bước lên rồi cả hai cùng chạy qua nhà ông K. Khi M điều khiển xe đến trước cổng nhà ông K, C phóng xuống xe cầm kiếm chạy vô trước, M điều khiển xe đậu cách cổng rạp đám cưới khoảng 10m rồi chạy theo sau, M đứng cách C khoảng 5m. Khi C chạy vào trong rạp cưới, lúc này còn lại 02 bàn, một bàn nữ ngồi phía ngoài, một bàn nam trong đó có bị hại anh L ngồi bên trong. C cầm kiếm bằng hai tay chém xuống mặt bàn anh L đang ngồi, rồi tiếp tục cầm kiếm bằng hai tay chém từ trên cao xuống nhiều cái. Anh L dùng ghế mũ đang ngồi vừa đỡ vừa đi lui về phía trong nhà, mọi người trong gia đình chạy đến can ngăn, C cầm kiếm bằng tay trái quơ qua quơ lại mục đích không cho ai đến gần. Đồng thời, C dùng tay phải đưa vào túi quần bên phải lấy con dao Thái Lan ra cầm trên tay phải. C và anh L đứng đối diện, cách nhau 1,2m, khi anh L vừa quay người sang trái định bỏ chạy thì C bước tới, cầm dao bằng tay phải đâm trúng vùng hạ sườn bên phải của anh L một cái. Anh L bỏ chạy ra phía cửa sau rồi chạy vào phòng ngủ nhà ông K trốn. C đuổi theo đến gần cửa sau thì thấy trên áo của anh L chảy nhiều máu nên cắt dao Thái Lan vào trong túi quần rồi quay ra cổng kêu M điều khiển xe chở về nhà. Anh L bị thương tích nặng được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực Th đến ngày 16/4/2021 thì xuất viện về nhà uống thuốc và nghỉ dưỡng theo chỉ định của bác sĩ.

Quá trình điều tra bị hại anh L cho rằng có 5 người đi trên 3 xe mô tô đến nhà ông K tìm anh L đánh. Trong đó, anh L xác định C là người cầm kiếm chém nhưng không gây thương tích cho anh L, bị cáo M là người cầm dao màu đen đâm anh L gây thương tích, ba người khác đi chung với C, M là ai thì anh L không biết. Anh L khai khi C và M đánh anh L thì 3 người thanh niên này đứng ngoài kích động kêu chém cho anh L chết. Bị cáo C và M khai chỉ có 02 bị cáo tham gia gây thương tích cho anh L, ngoài ra không có ai khác. C khai là người cầm dao Thái Lan đâm anh L gây thương tích, M khai do bị mọi người can ngăn nên chỉ đứng bên ngoài, không trực tiếp gây thương tích cho anh L. Quá trình điều tra, truy tố không tiến hành đối chất giữa các bị cáo và bị hại được do bị hại không đồng ý tham gia đối chất.

Đối với lời khai của những người làm chứng khai nhận chỉ có C và M xông vào đám cưới tìm anh L đánh, ngoài ra không thấy ai khác. Một số người có mặt tại hiện trường nhưng không đồng ý khai báo do sợ mâu thuẫn nên Cơ quan điều tra không lấy lời khai được.

- Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 153/TgT ngày 09/4/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Tháp kết luận anh L:

+ Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vết thương phần mềm hạ sườn phải, kích thước nhỏ; 04 sẹo mổ vùng thượng vị, trên rốn, ngay rốn, mạn sườn phải, kích thước nhỏ; 02 sẹo dẫn lưu vùng hông phải, hông trái, kích thước nhỏ; Vết thương hạ sườn phải gây thủng gan, thủng túi mật đã điều trị phẫu thuật khâu gan, cắt túi mật hiện tại ổn định.

+ Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Đoàn Minh L là 56% tại thời điểm giám định.

+ Kết luận khác: Sẹo vết thương phần mềm hạ sườn phải do vật sắc nhọn gây ra; Cơ chế hình thành tổn thương do ngoại lực tác động trực tiếp từ ngoài vào trong; Đề nghị giám định bổ sung tỷ lệ tổn thương cơ thể để xác định chính xác tỷ lệ tổn thương.

- Bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 285/TgT ngày 06/10/2021 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Đồng Tháp kết luận anh L: Ngoài các dấu vết giám định lần đầu, hiện không thấy dấu vết hay biến chứng sau điều trị, không cho tỷ lệ phần trăm. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Đoàn Minh L là 56%.

- Về nguyên nhân dẫn đến vụ việc xuất phát từ việc bị anh L đánh, bị cáo C đã có hành vi dùng dao đâm anh L gây thương tích để trả thù.

- Về vật chứng thu giữ:

+ Thu giữ của bị cáo C: 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 quần vải màu xám của bị cáo C mặc lúc gây án; 01 cây kiếm bằng kim loại dài 83cm, có cán hình tròn có quấn băng keo đen bên ngoài, lưỡi kiếm có màu trắng; 01 con dao cán nhựa màu vàng, trên cán có chữ Kiwi, lưỡi bằng kim loại, chiều dài con dao là 21cm.

+ Thu giữ của bị cáo M: 01 xe mô tô biển số 66M1-518.72. Quá trình điều tra xác định xe của vợ bị cáo M tên Nguyễn Thị B đứng tên trên giấy đăng ký xe. Bị cáo M lấy xe chở C đi gây thương tích cho người khác chị B không biết nên đã trao trả xe cho chị B.

- Về trách nhiệm dân sự, bị hại anh L yêu cầu bồi thường các khoản:
+ Chi phí điều trị là 24.500.000 đồng;
+ Tiền công lao động của bị hại 240 ngày x 300.000 đồng/ngày = 72.000.000 đồng và tiền công lao động của người chăm sóc cho bị hại trong thời gian điều trị tại bệnh viện là 90 ngày x 300.000 đồng = 27.000.000 đồng;
+ Tiền bồi dưỡng sức khỏe, phục hồi sức khỏe là 15.000.000 đồng;
+ Tiền tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm mức 50 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định là 74.500.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường là 213.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại yêu cầu bị cáo C, bị cáo M có nghĩa vụ liên đới bồi thường tổng cộng số tiền là 127.650.000đ, bị cáo C, bị cáo M đã bồi thường cho bị hại mỗi người 5.000.000đ, số tiền còn lại là 117.650.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2022/HS-ST ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Minh C và Trác Ngọc M cùng phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1, Điều 51, điểm e, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh C 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2021.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17, điểm b, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trác Ngọc M 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2021.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 bị cáo Trần Minh C, bị cáo Trác Ngọc M có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm cho rằng cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Minh C, bị cáo Trác Ngọc M với tội danh, điều khoản và mức hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Xét mức hình phạt 07 năm 06 tháng tù đối với bị cáo C; 05 năm 06 tháng tù đối với bị cáo M mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo C, bị cáo M cũng đã xuất trình được biên lai nộp tiền khắc phục hậu quả cho bị hại mỗi người là 30.000.000đ đây là tình tiết mới trong giai đoạn phúc thẩm, cho nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C, bị cáo M từ 01 tháng đến 03 tháng, sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về chăm sóc gia đình và là người tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Minh C, bị cáo Trác Ngọc M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 31/3/2021, bị cáo C đi dự tiệc cưới tại nhà ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1975, ngụ ở khóm 2, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đến khoảng 11 giờ 30 phút, khách đến dự tiệc cưới đã về gần hết, chỉ còn lại 02 bàn tiệc. Lúc này, bị hại anh L là người đến dự tiệc cưới cầm ly bia qua bàn của bị cáo C mời uống giao lưu. C hỏi “Anh có phải là H hay không?”, cho rằng C còn nhỏ tuổi mà dám kêu tên cha mình, anh L dùng tay đánh trúng mặt C thì được mọi người can ngăn. Xuất phát từ việc bị cáo C bị anh L đánh bằng tay tại đám cưới nhà ông K nên bị cáo C bỏ về nhà chuẩn bị hung khí (là 01 cây kiếm bằng kim loại và 01 con dao Thái Lan) và gọi điện thoại cho bị cáo M đi cùng quay lại chỗ đám cưới để tìm anh L đánh lại trả thù. Sau khi quay lại đám cưới, bị cáo C đã có hành vi dùng con dao Thái Lan đang cầm trên tay phải đâm trúng vào vùng bụng (Phần mềm hạ sườn phải) của anh L vào lúc 11 giờ 30 phút, ngày 31/3/2021, tại nhà của ông K thuộc khóm 2, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Hậu quả làm cho anh L bị thương tích phải đến Bệnh viện đa khoa khu vực T điều trị đến ngày 16/4/2021 thì xuất viện. Theo kết luận giám định pháp y thương tích và kết luận giám định pháp y thương tích bổ sung thể hiện anh L đã bị thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 56% tại thời điểm giám định.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Các bị cáo đều biết dùng kiếm tự chế, dùng dao Thái Lan là hung khí nguy hiểm sẽ gây thương tích cho người khác hoặc dẫn đến chết người. Khi xảy ra mâu thuẫn, lẽ ra các bị cáo phải biết kiềm chế bản thân để tìm cách giải quyết mâu thuẫn một cách đúng đắn, nhưng các bị cáo đã không làm như thế, với bản chất hung hãn, thể hiện bản chất côn đồ, thích dùng bạo lực để giải quyết mọi xung đột, mâu thuẫn xảy ra và thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên các bị cáo đã có hành vi phạm tội như đã nêu trên. Hành vi của các bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành. Các bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 56%.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Minh C, bị cáo Trác Ngọc M về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra và án sơ thẩm cũng đã xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

đối với các bị cáo. Sau khi án sơ thẩm tuyên, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Minh C, bị cáo Trác Ngọc M, Hội đồng xét xử thấy rằng ở giai đoạn phúc thẩm bị cáo C, bị cáo M tiếp tục bồi thường cho bị hại L số tiền 60.000.000đ (mỗi bị cáo 30.000.000đ) số tiền này các bị cáo đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp theo biên lai thu số 0004639; số 0004640 cùng ngày 03/8/2022. Theo bản án sơ thẩm tuyên về trách nhiệm dân sự bị cáo C, bị cáo M có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 117.650.000đ, việc bồi thường ở giai đoạn phúc thẩm là tình tiết mới phát sinh thể hiện ý thức tích cực bồi thường của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo C, bị cáo M, sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với hai bị cáo.

[4] Xét lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[5] Do chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, nên bị cáo C, bị cáo M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Minh C, bị cáo Trác Ngọc M. Sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Trần Minh C, bị cáo Trác Ngọc M.

2. Tuyên bố bị cáo Trần Minh C, bị cáo Trác Ngọc M cùng phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh C 07 (bảy) năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2021.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trác Ngọc M 05 (năm) năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2021.

3. Tiếp tục quản lý số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) mà bị cáo Trần Minh C, bị cáo Trác Ngọc M bồi thường tiếp tục cho bị hại Đoàn Minh L nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp theo biên lai thu số 0004639, số 0004640 cùng ngày 03/8/2022 để đảm bảo thi hành án theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Minh C, bị cáo Trác Ngọc M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TAND huyện T (03 bản);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Cơ quan CSĐTCA huyện T;
- Cơ quan THAHS CA huyện T ;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội